

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN THẠC DŨNG

TÓM TẮT

Bài viết góp phần làm rõ thêm những cơ sở hình thành tư tưởng về xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của Hồ Chí Minh. Về mặt lý luận, tư tưởng của Người là sự vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Về mặt thực tiễn, Hồ Chí Minh đã đúc rút kinh nghiệm qua thực tiễn mô hình hợp tác xã ở Nga và Trung Quốc, và dựa trên cơ sở thực trạng kinh tế-xã hội Việt Nam. Có thể nói tư tưởng về hợp tác xã nông nghiệp của Hồ Chí Minh hình thành và phát triển từ yêu cầu thực tiễn giải phóng dân tộc, giải phóng con người, là sự tiếp thu có tính chủ động và sáng tạo truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa phương Đông.

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1.1. Tư tưởng C. Mác và Ph. Ăngghen về hợp tác lao động và hợp tác xã

Khi nghiên cứu lịch sử hợp tác trong lao động, C. Mác và Ăngghen không chỉ dừng lại ở giai đoạn đầu của nền văn minh loài người mà còn tiến tới phân biệt với thời kỳ tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ mà sự hợp tác ngay từ đầu đã giả định phải có người lao động làm thuê tự do, bán sức lao động của mình cho nhà tư bản. Các ông đặc biệt chú ý nghiên cứu sự hợp tác ở những nơi có nền sản xuất nhỏ, vai trò của hợp tác trong việc cải tạo kinh tế tiểu nông.

C. Mác và Ăngghen lần đầu tiên đưa ra luận điểm về ưu thế của hợp tác lao động. Theo các ông, hợp tác lao động dưới hình thức một tổ chức không những nâng cao sản xuất cá nhân mà còn sáng tạo ra một thứ sức sản xuất mới, đó là sức sản xuất tập thể. Nhưng không phải cứ tập trung đông người là mặc nhiên tạo ra sức sản xuất tập thể. C. Mác khẳng định rằng, ưu thế đó chỉ được phát huy khi đảm bảo những điều kiện sau đây:

- Phải có kế hoạch: “Sức sản xuất đó nảy sinh từ chính ngay sự hiệp tác. Trong sự hiệp tác có kế hoạch với những người khác thì người công nhân vứt bỏ được những giới hạn cá nhân và phát triển được những tiềm lực loài của mình” (C. Mác và

- Phải có đủ tư liệu sản xuất phù hợp với qui mô hợp tác lao động: “sự tích tụ một khối lượng lớn tư liệu sản xuất vào trong tay những nhà tư bản riêng rẽ là điều kiện vật chất cho sự hiệp tác của những công nhân làm thuê, và quy mô hiệp tác hoặc quy mô sản xuất phụ thuộc vào quy mô của sự tích tụ đó” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004, *Toàn tập*, tập 23, tr. 479).

- Phải có sự chỉ huy (hay là quản lý): “Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng. Các chức năng chỉ đạo, giám sát và điều hòa ấy trở thành những chức năng của tư bản, khi lao động phụ thuộc vào tư bản đó trở thành lao động hiệp tác. Là một chức năng đặc biệt của tư bản, chức năng chỉ đạo có được những tính chất đặc biệt riêng” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004, *Toàn tập*, tập 23, tr. 480). Ở đây, C. Mác ví xí nghiệp hợp tác như một dàn nhạc.

- Phải có kế toán: “Kế toán, với tư cách là phương tiện kiểm soát và khái quát hóa quá trình ấy (tức là quá trình sản xuất hàng hóa) trên ý niệm, càng trở nên cần thiết, chừng nào mà quá trình sản xuất càng diễn ra trên quy mô xã hội và mất tính chất thuần túy cá thể; do đó kế toán càng cần thiết đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hơn là đối với nền sản xuất phân tán của thợ thủ công và nông dân, và lại càng cần thiết đối với nền sản xuất tập thể hơn là đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004, *Toàn tập*, tập 24, tr. 205).

C. Mác và Ăngghen không chỉ kế thừa mà còn phát triển những tư tưởng hợp tác của

những người đi trước cho phù hợp với điều kiện mới. Các ông đã làm rõ tính chất phụ thuộc của bản chất chế độ hợp tác lao động vào hệ thống các quan hệ kinh tế thống trị. Trên cơ sở kết luận khoa học này, các ông đã vạch rõ điều kiện để cải biến các hợp tác lao động từ lỗ hổng trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thành hình thức quản lý xã hội chủ nghĩa. Những điều kiện đó là: chuyển chính quyền nhà nước vào tay giai cấp công nhân và những người lao động; xác lập chế độ sở hữu nhà nước đối với tất cả các tư liệu sản xuất lớn.

1.2. Tư tưởng của Lênin về tổ chức hợp tác xã

Ngay từ những ngày đầu tiên của Chính quyền Xô Viết non trẻ đến những năm thực hiện chính sách Kinh tế mới, Lênin đã có sự quan tâm đặc biệt tới hình thức tổ chức hợp tác xã của những người sản xuất nhỏ. Ông coi chế độ hợp tác xã trong điều kiện giai cấp vô sản nắm chính quyền và thực hiện công hữu về tư liệu sản xuất cũng là một hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Theo ông: “Các hợp tác xã là một hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước nhưng ít đơn giản hơn, có hình thù ít rõ rệt hơn, phức tạp hơn” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 43, tr. 271). Mặc dù là một hình thức ít rõ rệt hơn, phức tạp hơn của chủ nghĩa tư bản nhà nước, nhưng hợp tác xã lại là một hình thức rất phổ biến, điển hình là ở nước Nga tiểu nông trong thời kỳ quá độ. Chính vì vậy, ông rất chú trọng và thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng các hợp tác xã và đánh giá cao vai trò của chúng trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện giai cấp vô sản nắm chính

Không phải mãi tới tháng 1 năm 1923 khi viết “*Bàn về chế độ hợp tác xã*” mà ngay từ đầu năm 1918, trong bản sơ thảo lần đầu cho tác phẩm “*Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô Viết*”, Lênin đã coi chế độ hợp tác xã là phương tiện, là con đường đúng đắn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông viết: “Vị trí hợp tác xã đã thay đổi căn bản về nguyên tắc, từ khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, từ khi chính quyền nhà nước vô sản bắt đầu việc xây dựng một cách có hệ thống chế độ xã hội chủ nghĩa. Ở đây, lượng đã biến thành chất. Hợp tác xã khi còn là hòn đảo nhỏ trong xã hội tư bản chủ nghĩa, thì là một cửa hiệu nhỏ. Nhưng nếu hợp tác xã đã được phổ cập trong toàn bộ một xã hội mà trong đó đất đai đã được xã hội hóa và các công xưởng, nhà máy đã được quốc hữu hóa, thì nó là chủ nghĩa xã hội” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 36, tr. 197). Điều này cũng cho thấy trong quan niệm của Lênin, hợp tác xã lao động không những là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà còn là nguyên tắc mới trong việc tổ chức xã hội. Từ đây rút ra kết luận cơ bản của ông: chế độ hợp tác xã vẫn minh là hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa xã hội. “Hiện nay, chúng ta phải hiểu và thực hành cái sự thật này là: trong lúc này, chế độ xã hội mà chúng ta phải ủng hộ hơn hết là chế độ hợp tác xã” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 45, tr. 423).

Khi luận chứng cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, Lênin đã gắn tính thiết yếu của hợp tác xã với triển vọng của công cuộc cải tạo nền kinh tế nông dân theo hướng xã hội chủ nghĩa, với việc xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm “*Bàn về thuế lương thực*”, Lênin không có ý nói tới việc thành lập các hợp tác xã riêng biệt nào đó. Cái nhìn của Lênin trong tác phẩm này sâu xa hơn nhiều. Ông đặc biệt nhấn mạnh vai trò của hợp tác xã trong việc tổ chức hàng triệu nông dân tự nguyện, vừa với tư cách là người sở hữu nhỏ, vừa với tư cách là người lao động tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuyển nền kinh tế của họ từ nền kinh tế nhỏ, cá thể lên nền sản xuất lớn, tập thể. Lênin khẳng định: “*Chính sách hợp tác xã* một khi thành công, sẽ giúp cho nền kinh tế nhỏ phát triển và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nhỏ quá độ - trong một thời hạn không nhất định - lên nền đại sản xuất trên cơ sở tự nguyện kết hợp” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 43, tr. 273).

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện thực của nước Nga, một nước tiểu nông lạc hậu lại bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, nông dân cá thể chiếm đa số, Lênin cho rằng, việc chuyển lên chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất và chế độ canh tác tập thể là công việc không thể thực hiện được trong chốc lát. Ông từng viết: “không may may có nghĩa là chúng ta phải đưa ngay vào nông thôn những tư tưởng thuần túy cộng sản chủ nghĩa hiểu theo nghĩa hẹp của nó. Chừng nào chúng ta còn chưa có được một cơ sở vật chất ở nông thôn cho chủ nghĩa cộng sản thì làm như thế, có thể nói là một việc có hại, một việc bất hạnh cho

Trong những năm cuối đời, Lênin vẫn không ngừng tìm kiếm những con đường và hình thức mới cho việc cải tạo người nông dân và nền kinh tế tiểu nông của họ. Sự nỗ lực không ngừng đã đưa ông đi đến kết luận: Việc xây dựng chế độ hợp tác xã không chỉ là tất yếu khách quan mà còn là một mẫu hình kinh tế-xã hội, đặc biệt đối với một nước tiểu nông trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm được coi là Di chúc chính trị “*Bàn về chế độ hợp tác xã*” viết tháng Giêng năm 1923 (một năm trước khi Người mất), Lênin khẳng định: Tất cả những điều mà chúng ta phải làm, dưới chế độ Chính sách kinh tế mới, là ở chỗ tập hợp sâu rộng các tầng lớp nhân dân Nga vào các hợp tác xã, “vì hiện nay, chúng ta đã tìm ra được mức độ kết hợp lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm tra và kiểm soát lợi ích đó, điều mà trước đây là nan giải đối với rất nhiều người xã hội chủ nghĩa” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 45, tr. 422). Vì chế độ hợp tác xã đó – chế độ của những xã viên hợp tác xã văn minh – có khả năng đem lại “Bước quá độ sang một chế độ mới bằng con đường giản đơn nhất, dễ dàng nhất, dễ tiếp thu nhất với

nông dân” (V.I. Lênin, 1978, *Toàn tập*, tập 45, tr. 422).

Lênin còn chỉ ra những nguyên tắc xây dựng hợp tác xã. Đó là, hợp tác xã phải dựa trên cơ sở tự nguyện, sự tham gia “tự giác” của quần chúng nhân dân và dựa trên “lợi ích” thiết thực từ việc tham gia đó. Muốn khuyến khích nhân dân tham gia, phải thực hiện công tác giáo dục và công tác văn hóa trong nông dân, phải làm cho mọi người đều có trình độ học vấn phổ thông, có trình độ hiểu biết đầy đủ về công việc, phải giáo dục cho nhân dân biết dùng sách báo, v.v. Nhà nước phải quan tâm tới hợp tác xã, phải cho các hợp tác xã được hưởng một số ưu đãi, thậm chí cả “ưu đãi vật chất”.

Tư tưởng về hợp tác xã và xây dựng hợp tác xã của Lênin không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với nước Nga, mà còn là những chỉ dẫn lý luận và thực tiễn quan trọng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo.

2. CƠ SỞ THỰC TIỄN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

2.1. Cơ sở thực tiễn về hợp tác xã ở Nga, Trung Quốc

Nguyễn Ái Quốc có may mắn được tận mắt chứng kiến những thay đổi và tiến bộ trong sản xuất và đời sống của các dân tộc Liên Xô sau khi thực hiện chính sách Kinh tế mới của Lênin từ năm 1921.

Sống trong không khí sôi động với những biến chuyển mạnh mẽ của nước Nga, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia vào rất nhiều hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội... Sự khảo nghiệm có hệ thống và thực tế cuộc sống nước Nga đã đem lại cho Người rất

- Thứ nhất, Người hiểu rằng ở các nước thuộc địa, với 90% dân số là nông dân, muốn làm cách mạng dân tộc dân chủ thắng lợi phải vận động được nông dân tham gia. Đây là hình thức tổ chức thiết thực và phù hợp nhất để tập hợp, tuyên truyền nông dân ở các nước thuộc địa nói chung và ở Việt Nam nói riêng? Câu trả lời đã được Người đưa ra một cách chắc chắn sau khi đã có một quá trình khảo sát hệ thống và liên tục về các hợp tác xã, nông trang ở Liên Xô từ 1923 về sau. Người khẳng định rằng, muốn giác ngộ được nông dân, phải đưa họ vào tổ chức, phải thành lập các hợp tác xã. Quan điểm đó được thể hiện qua báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về Nghị quyết của Đảng bộ Quốc dân đảng Quảng Đông về vấn đề nông dân. Người viết rằng, hoàn toàn đồng ý với Nghị quyết của Đảng bộ Quốc dân đảng Quảng Đông về việc: “đòi thiết lập ngân hàng và hợp tác xã nông dân, cải cách hệ thống nông nghiệp, hoàn thiện công trình tưới nước” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 2, tr.180).

- Thứ hai, hợp tác xã chính là hình thức tổ chức tập hợp nông dân một cách nhanh chóng và thiết thực nhất. Nhưng để làm được việc đó, vấn đề đầu tiên là phải đào tạo cán bộ. Chính vì vậy, năm 1925, tức là chỉ không lâu sau khi rời nước Nga, Người đã mở các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng

Châu. Một trong những nội dung huấn luyện quan trọng là trang bị cho họ kiến thức về hợp tác xã, cách thức tổ chức hợp tác xã (qua tác phẩm *Đường Kách mệnh*).

Ở Trung Quốc năm 1949, cách mạng thành công. Trong 5 năm tiếp theo, Trung Quốc tiến hành cải cách ruộng đất. Lúc đầu Trung Quốc cũng tổ chức tổ đổi công, dần dần tiến lên hợp tác xã. Nghiên cứu hình thức tổ chức lao động của hai nước, Người kết luận: “Thế là tổ chức của nông dân Trung Quốc (hợp tác xã) cao hơn tổ chức của nông dân ta (tổ đổi công). Tổ chức của nông dân Liên Xô (nông trường tập thể) thì cao hơn của nông dân Trung Quốc; mà nông dân Liên Xô cũng sẽ tiến nữa” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 7, tr. 539). Để không mò mẫm và phạm sai lầm, Người đòi hỏi phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Người viết: “Chúng ta phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng kinh tế dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội như Liên Xô, Trung Quốc, tức là thực hiện lối làm ăn tập thể, cùng làm chung hưởng chung, nông thôn ta cũng sẽ tiến lên như thế. Muốn thế phải tổ chức tổ đổi công là hình thức thấp nhất, rồi tiến lên hợp tác xã nông nghiệp, từ hợp tác xã nhỏ phát triển thành hợp tác xã to, dùng máy móc trong nông nghiệp” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 8, tr. 345).

2.2. Cơ sở thực tiễn ở Việt Nam

Hồ Chí Minh là nhà cách mạng duy vật mác xít. Người phân tích những điều kiện lịch sử xã hội từ những năm 20 của thế kỷ XX để luận chứng cho sự cần thiết phải tổ chức hợp tác xã ở Việt Nam. Người còn

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, các thế lực đế quốc lại kéo vào đất nước ta. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập bị đe dọa bởi các thế lực đế quốc lớn mạnh, lại đang chịu hậu quả nặng nề bởi chính sách bóc lột tàn tệ của Pháp và Nhật với hai triệu người bị chết đói. Trong bối cảnh đất nước như vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu phải huy động và tổ chức tất cả lực lượng của toàn quốc đồng bào. Người viết: “cấp vụ của chúng ta ngày nay là phải động viên nhân lực, động viên công nghiệp, nông nghiệp, thương mại...” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 4, tr. 86). Người đặc biệt chú ý tới động viên kinh tế: “Cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta được thắng lợi là do nơi chúng ta động viên được kinh tế thành công”. Vì vậy, Người kêu gọi: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của chúng ta ngày nay, đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập. Hỡi anh em nhà nông tiến lên! tiến lên!” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 4, tr. 115). Hồ Chí Minh đã nhận ra từ rất sớm, ở một nước tiểu nông thì giai cấp nông dân và nền kinh tế tiểu nông chính là nguồn nuôi sống cả xã hội. Với nhận thức đó, trong bài “*Gửi nông gia Việt Nam*” tháng 12 năm 1945, Người yêu cầu phải đẩy mạnh nền sản xuất tiểu nông: “Loài người ai cũng ‘Dĩ thực vi tiên’ (nghĩa là trước cần phải ăn); nước ta thì ‘Dĩ nông vi bản’ (nghĩa là nghề nông làm gốc). Dân muốn ăn no thì phải giống giọt cho nhiều. Nước muốn giàu

mạnh thì phải phát triển nông nghiệp” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 4, tr. 114). Cũng với nhận thức đó, Người yêu cầu phải đẩy mạnh nền sản xuất tiểu nông, phải đề ra những biện pháp cụ thể, hình thức phát triển với qui mô, bước đi hợp lý. Tổ chức “những đội khẩn hoang, những đội giúp nhau cày gặt”, làm chung rồi tiến lên xây dựng các hợp tác xã. Hồ Chí Minh kêu gọi: “Hỡi đồng bào điền chủ nông gia! Anh em ta ai chẳng mong được đầy đủ, giàu có, ai chẳng mong cho nước thịnh, dân cường. Vậy chúng ta hãy mau mau chung vốn góp sức, lập nên hợp tác xã nông nghiệp ở khắp nơi; từ làng mạc cho đến tỉnh thành đâu đâu cũng phải có hợp tác xã” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 4, tr. 215).

Theo Hồ Chí Minh, nước ta là nước sản xuất nhỏ lạc hậu, năng suất lao động thấp, sản phẩm làm ra không đủ đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trong khi đó, kẻ thù lại đánh phá ác liệt, bao vây cô lập cách mạng Việt Nam. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của nhân dân, để cung cấp kịp thời cho cuộc kháng chiến ngày càng mở rộng, tất yếu chúng ta phải phát triển nhiều thành phần kinh tế. Hơn nữa, quan tâm phát triển các thành phần kinh tế cũng có nghĩa là quan tâm đến lợi ích của các giai tầng trong xã hội. Từ đó mới có thể đoàn kết được mọi lực lượng trong dân tộc, cô lập kẻ thù, tăng cường sức mạnh cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Trong “*Thường thức chính trị*” viết vào năm 1953, Hồ Chí Minh cho rằng, ở nước ta (vùng tự do) nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần: kinh tế địa chủ phong kiến bóc lột địa tô, kinh tế quốc doanh có tính chất chủ nghĩa xã hội, kinh tế hợp tác xã

Cùng với chủ trương phát triển kinh tế quốc doanh, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng hợp tác xã. Người nhận thấy, hợp tác xã chính là hình thức thuận lợi hơn, quen thuộc hơn, có hiệu quả hơn đối với nông dân. Các hội đồng công ở nông thôn có thể giúp nhau sản xuất, khắc phục khó khăn lúc thời vụ, lúc thiếu lao động, chống lại thiên tai... cũng từ đó mà tăng cường tình làng nghĩa xóm, đoàn kết cộng đồng. Theo Người, kinh tế hợp tác xã đã có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, là mắt xích chính để phát triển sản xuất và cải thiện đời sống của nông dân và bộ đội lúc này. Khi đề cập đến đời sống mới trong những năm kháng chiến, Người chỉ rõ: “Công việc làm ăn thì có nghề làm ruộng, nghề thủ công, nghề buôn bán. Phải tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Tốt nhất là tổ chức hợp tác xã, thì nghề nào cũng dễ tăng gia

sản xuất. Vì nhiều người đông sức, thì tốn thì giờ ít, mà kết quả nhanh hơn, nhiều hơn” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 5, tr. 101). Mặc dù bận trăm công ngàn việc, Hồ Chí Minh vẫn luôn suy nghĩ về vấn đề tổ chức hợp tác xã, Người cho rằng nếu làm tốt được cuộc vận động đưa nhân dân vào hợp tác xã, làm ăn tập thể, là góp phần cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc của nhân dân ta mau đi đến thắng lợi. Cùng với việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo ở Trung ương, việc thành lập các tổ đổi công, các hợp tác xã bậc thấp cũng được Người yêu cầu các cấp chính quyền ở vùng tự do, nếu có điều kiện thì phải chỉ đạo thực hiện. Người tin tưởng thành phần kinh tế này sẽ ngày càng được củng cố và phát triển cùng với sự đi lên của xã hội.

Như vậy, ngay trong điều kiện kháng chiến, Hồ Chí Minh đã thấy được tính tất yếu của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta bảo đảm sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất còn thủ công, lạc hậu, manh mún. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần (trong đó có kinh tế hợp tác xã) vừa là để kiến thiết đất nước, vừa là để phục vụ kịp thời cho cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của nhân dân. Chính sách này vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt đoàn kết tất cả các lực lượng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, vừa đáp ứng yêu cầu lâu dài của cách mạng Việt Nam là xây dựng chế độ dân chủ mới tạo tiền đề từng bước tiến lên xã hội chủ nghĩa. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đất nước bị chia làm hai miền. Miền Bắc cùng một lúc phải làm cả hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Mọi vấn đề xây dựng chủ

Miền Bắc lúc này phải tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ manh mún, lại không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã rất coi trọng ngành nông nghiệp. Trong buổi nói chuyện tại lớp Huấn luyện Đào tạo cán bộ hợp tác xã nông nghiệp tháng 3 năm 1958, Người nói: “Các cán bộ phải chú ý lãnh đạo nông nghiệp, vì muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển công nghiệp, nhưng đồng thời cũng phải phát triển nông nghiệp, vì hai ngành đó khăng khít với nhau... Muốn phát triển nông nghiệp thì trước hết phải xây dựng tốt phong trào đổi công ở khắp mọi nơi và trên cơ sở đó sẽ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từ thấp đến cao” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 9, tr. 136).

Hai năm sau, trong báo cáo “*Ba mươi năm hoạt động của Đảng*” Hồ Chí Minh nhắc lại: “Nước ta là nước nông nghiệp, muốn tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm thì phải tổ chức tốt các tổ đổi công và hợp tác xã” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 10, tr. 31).

Hồ Chí Minh cho rằng việc xây dựng lối làm ăn tập thể ở nông thôn cũng là một cuộc cách mạng. Người nói: “Kinh nghiệm lịch sử đã chỉ rõ: nông thôn phải trải qua hai cuộc cách mạng; cải cách ruộng đất là một cuộc, cuộc thứ hai là từ chỗ thực hiện tổ đổi công, hợp tác xã, nông trường tập thể đến chỗ xã hội hóa nông nghiệp” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 8, tr. 76). Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định phải tổ chức hợp tác xã, phải đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Trong Diễn văn khai mạc hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) Hồ Chí Minh nói: “Nhưng nếu nông dân cứ làm ăn riêng lẻ thì đời sống không thể nâng cao. Muốn nâng cao đời sống thì chỉ có một cách là tổ chức nông dân làm ăn tập thể tức là tổ chức nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Tổ chức hợp tác xã tốt thì mới có thể tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, do đó mà nâng cao dần đời sống vật chất và văn hóa của nông dân và củng cố khối liên minh công nông” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 9, tr. 409). Hơn nữa, việc xây dựng các tổ đổi công, hợp tác xã phải được phát triển rộng khắp, thành phong trào hợp tác hóa. Đây là bước đi then chốt của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Hồ Chí Minh viết: “Hợp tác hóa nông nghiệp là khâu chính thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Kinh nghiệm qua

Nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam từ một đất nước tiểu nông lạc hậu đi lên, nên quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và hợp tác xã nói riêng ở nước ta là phải đi dần dần từng bước vững chắc. Hầu như trong các bài phát biểu nào của mình, khi đề cập đến xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người cũng kèm theo chữ “dần”, “dần dần”, “chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 8, tr. 226); “nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 10, tr. 13). Nhất quán với tinh thần ấy, việc xây dựng hợp tác xã, hợp tác hóa cũng phải thực hiện từng bước: “cho nên lúc đầu là cải cách ruộng đất, sau tiến lên một bước là tổ chức tổ đổi công sao cho tốt, cho khắp, lại tiến lên hình thức hợp tác xã dễ dàng, rồi tiến lên hợp tác xã cao hơn, lúc bấy giờ mới có chủ nghĩa xã hội” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 8, tr. 226). Người còn nói: “Phong trào hợp tác hóa phải đi từ thấp đến cao mới phát triển được thuận lợi. Muốn tổ chức hợp tác xã

được tốt phải phát triển và củng cố các tổ đổi công” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 9, tr. 539). Trong báo cáo “Ba mươi năm hoạt động của Đảng” năm 1960, Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: “Đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng đối với nông nghiệp là đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm mống xã hội chủ nghĩa), tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nhửa xã hội chủ nghĩa), rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao (xã hội chủ nghĩa)” (Hồ Chí Minh, 1995, *Toàn tập*, tập 10, tr. 15). Chỉ có tiến dần từng bước vững chắc, tuân thủ đúng quy luật của lịch sử, không được chủ quan nóng vội đốt cháy giai đoạn, không “kiêu ngạo cộng sản” thì chúng ta mới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hồ Chí Minh khẳng định công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng nhất của kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế, tạo cơ sở vật chất-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nhận thấy đây là nhiệm vụ khó khăn nhất của cách mạng sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền. Để giải quyết nhiệm vụ khó khăn này, chúng ta không có con đường nào khác ngoài việc hợp tác hóa nông nghiệp để qua đó thu hút hàng triệu người nông dân vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuyển nền kinh tế của họ từ nền kinh tế nhỏ, cá thể lên nền sản xuất lớn, tập thể. Trong “Lời kêu gọi nông dân” tháng 8 năm 1959, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Bần, cố, trung nông trước đã đoàn kết đánh đuổi thực dân, đánh đổ địa chủ và đã thắng lợi thì nay phải cùng nhau đi vào con đường hợp tác hóa, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự chỉ đạo sát thực, cụ thể của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc tiến hành thực hiện đổi công, hợp tác hóa trên phạm vi miền Bắc đã thành công cơ bản. Hàng triệu nông dân đã vào làm ăn trong các hợp tác xã, đời sống được cải thiện rõ rệt. Qua phong trào hợp tác hóa, “mầm mống” tư tưởng và phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành ở nông thôn Việt Nam. Lịch sử đã ghi nhận, nhờ có việc tổ chức sản xuất theo mô hình hợp tác xã mà chúng ta có thể huy động nguồn nhân lực, vật lực tập trung cho hai cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng. Có thể khẳng định rằng, hợp tác xã (kiểu cũ) đã có những vai trò lịch sử trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Hiện nay, hình thức tổ chức hợp tác xã vẫn được coi trọng và có những cải tiến để phù hợp với hoàn cảnh mới.

Nhìn một cách khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã qua mỗi thời kỳ có những tiếp cận khác nhau nhưng đều bám sát thực tiễn xã hội Việt Nam. Đó là sự quy định khách quan của rất nhiều yếu tố: Sự bóc lột và đàn áp dã man của chế độ thực dân, phong kiến; tính tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội; nền kinh tế nghèo nàn, nông nghiệp lạc hậu; tính tất yếu của việc xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật; khả năng cung cấp máy móc cho nông nghiệp; tính phức tạp của việc tạo ra cơ cấu kinh tế-xã hội mới; những khó khăn to lớn về trạng thái tâm lý, phong tục tập quán lâu đời của một nước đại đa số là nông dân sản xuất

nhỏ; chiến tranh tàn khốc và đất nước bị chia làm hai miền, v.v... Chính thực tiễn nước ta trong những năm ấy đã đem lại cho Hồ Chí Minh sự quan tâm đặc biệt tới hình thức hợp tác xã, trong đó Người đặc biệt chú trọng đến loại hình hợp tác xã nông nghiệp.

Tóm lại, trên cơ sở thực tiễn trong nước và quốc tế, cùng với sự nghiên cứu, sáng tạo của mình, tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã dần dần được hình thành. Qua cách luận giải, phân tích rất ngắn gọn, Người đã nêu bật tính thời sự, khoa học, đặc biệt là tính cần thiết phải thành lập hợp tác xã. Những quan điểm của Người về hợp tác xã nông nghiệp hoàn toàn được đặt trên cơ sở hiểu thấu đáo thực trạng kinh tế-xã hội Việt Nam. Tư tưởng về hợp tác xã nông nghiệp của Hồ Chí Minh không chỉ được hình thành và phát triển từ yêu cầu thực tiễn giải phóng dân tộc, giải phóng con người, từ việc kế thừa và vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, mà hơn thế, còn là sự tiếp thu có tính chủ động, chọn lọc và sáng tạo truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa phương Đông. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.I. Lênin. 1978. *Toàn tập*. Tập 36, 43, 45. Mát-xcơ-va: Nxb. Tiến bộ.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2004. *Toàn tập*. Tập 23, 24. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
3. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*. Tập 2, 4, 5. Hà Nội. Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Hồ Chí Minh. 1996. *Toàn tập*. Tập 7, 8, 9, 10. Hà Nội. Nxb. Chính trị Quốc gia.